

ẢNH HƯỞNG CỦA RỦI RO ĐẾN TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG CỦA HỘ GIA ĐÌNH NÔNG THÔN VIỆT NAM

Nguyễn Thị Mai

Đại học Ngoại thương, Cơ sở II thành phố Hồ Chí Minh

Email: nguyenthimai.cs2@ftu.edu.vn

Hạ Thị Thiều Dao

Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh

Email: daohtt@buh.edu.vn

Ngày nhận: 03/4/2019

Ngày nhận bản sửa: 26/8/2019

Ngày duyệt đăng: 05/01/2020

Tóm tắt:

Nghiên cứu sử dụng bộ dữ liệu rút trích từ bộ dữ liệu Điều tra Tiếp cận Nguồn lực của Hộ gia đình được khảo sát các năm 2008, 2010, 2012, 2014, 2016 gồm 1.872 hộ gia đình nông thôn Việt Nam. Thông qua mô hình hồi quy hiệu ứng cố định cùng với các biến tương tác, kết quả nghiên cứu cho thấy: (1) rủi ro do tự nhiên, sâu, dịch bệnh, hoặc kinh tế ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiền lương, tiền công; đặc biệt tập trung ở những hộ bị rủi ro tự nhiên hay kinh tế, cá nhân có đa dạng hóa thu nhập, hộ bị sâu, dịch bệnh và có giá trị khoản vay tích lũy cao, hoặc có vay trong năm bị rủi ro, hoặc hộ có tham gia bảo hiểm nhưng thiệt hại do rủi ro cá nhân lớn; (2) ngược lại, hộ bị rủi ro tự nhiên và có giá trị tiết kiệm tích lũy cao, hoặc bị rủi ro cá nhân mà có tham gia bảo hiểm sẽ có tiền lương, tiền công cao hơn.

Từ khóa: Rủi ro, thu nhập nông hộ Việt Nam, sốc.

Mã JEL: E24, J43, O13.

Impacts of risks on wages and salaries: Panel-data evidence from rural households in Vietnam

Abstract:

This study uses data extracted from the Vietnam Access to Rural Households Survey in 2008, 2010, 2012, 2014, 2016, including 1,872 rural households in Vietnam. Applying fixed-effects regression with interactions, the results show that: (i) natural disasters, plant and animal diseases, or economic risks seriously influence salaries and wages, especially those of the households who have faced natural disasters, economic, or personal risks, have diversified their incomes, and have owned high accumulated debt or loans in the years of risk occurrence; or who have covered by insurance but have been heavily damaged by high personal risks; (ii) In contrast, households that are exposed to natural risks but have a high value of savings, or are exposed to personal risks but have covered insurance tend to have an increase in wages and salaries.

Keywords: Risks, Rural household income, Shocks.

JEL code: E24, I13, J43, O13.

1. Đặt vấn đề

Đa dạng hóa thu nhập sang hoạt động phi nông nghiệp như làm công, làm thuê tạo thành một phương tiện quan trọng để ứng phó với rủi ro, đặc biệt nơi thị trường tài chính, tín dụng và bảo hiểm chưa hiệu quả (Reardon, 1997; Morduch, 1990; Dercon, 2002). Hơn nữa, quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh của tế Việt Nam dẫn tới gia tăng vai trò của thu nhập phi nông nghiệp, gồm cả thu nhập từ tiền công. Tỷ lệ thu nhập nông nghiệp, giảm từ 30,1% xuống 27,7%, và tỷ trọng thu nhập từ tiền công tăng lên có ý nghĩa thống kê, từ 37,6% lên 39,3% (Viện Quản lý Kinh tế Trung ương & cộng sự, 2017). Điều này chỉ ra rằng nguồn chính của đa dạng hóa thu nhập đến từ tiền công (Kinghan & Newman, 2017). Ngoài ra, khi các hoạt động kinh doanh của hộ là một nguồn thu nhập chính, các hoạt động làm thuê được trả lương cũng ngày càng trở nên quan trọng hơn, sẽ góp phần giúp nông hộ ổn định đời sống khi có rủi ro và phát triển kinh tế bền vững. Tuy nhiên, do các hộ chuyển đổi sang các hoạt động kinh tế khác nhau, dẫn đến tình trạng hưởng lợi không đồng đều giữa các hộ và một số bị bỏ lại phía sau (Tarp, 2016). Trong bối cảnh Việt Nam đang chú trọng thúc đẩy công bằng xã hội, việc thiết lập môi trường trong đó tất cả các hộ đều có cơ hội như nhau để theo đuổi các hoạt động mang lại tiền lương, tiền công là hết sức cần thiết. Với ý nghĩa đó, nghiên cứu được thiết kế nhằm làm rõ mức độ ảnh hưởng của các loại rủi ro đến tiền lương, tiền công của hộ gia đình ở nông thôn Việt Nam.

Bài viết này có một số đóng góp trong nghiên cứu về mức độ ảnh hưởng của các loại rủi ro đến tiền lương, tiền công của hộ gia đình nông thôn ở Việt Nam. Thứ nhất, nghiên cứu sử dụng bộ dữ liệu tiếp cận nguồn lực của hộ gia đình do Viện Quản lý Kinh tế Trung ương kết hợp với ba đối tác điều tra trong giai đoạn 2008-2016. Thứ hai, phân tích ảnh hưởng của các rủi ro đến tiền công, tiền lương – nguồn thu nhập đang trở nên quan trọng và gia tăng ở nông thôn Việt Nam. Thứ ba, khi đề cập đến ảnh hưởng của rủi ro đến tiền công, tiền lương của hộ, nghiên cứu đã khái quát tất cả các loại rủi ro phổ biến ở nông thôn Việt Nam được thể hiện chi tiết qua đặc điểm các loại rủi ro (3 nhóm rủi ro tự nhiên; sâu, dịch bệnh; kinh tế và cá nhân; thiệt hại và khả năng phục hồi của từng loại rủi ro theo năm). Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng phân tích các yếu tố thuộc về đặc điểm của chủ hộ (giới tính, độ tuổi, học vấn, tham gia tổ chức, hiệp hội, bảo hiểm, số ngày không đi làm do ốm đau) và hộ (học vấn của thành viên trong hộ, quy

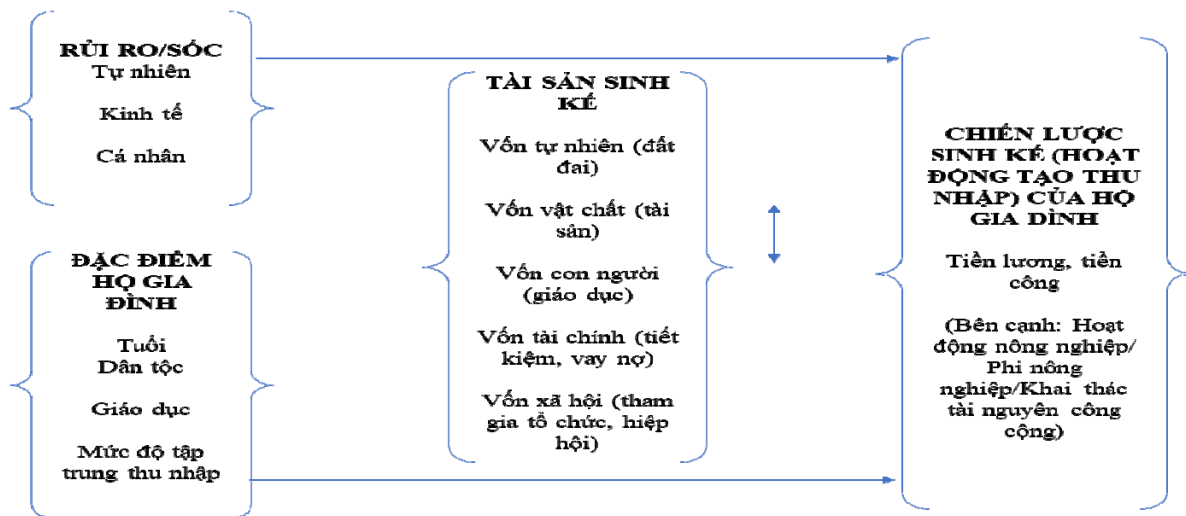
mô hộ, diện tích đất, đa dạng hóa thu nhập, khuyến nông, tiết kiệm, nợ, vay vốn) ảnh hưởng đến nguồn thu nhập này. So với các nghiên cứu trước, nghiên cứu này tập trung làm rõ ảnh hưởng của các rủi ro đến tiền lương, tiền công và bổ sung thêm các biến về thiệt hại và khả năng phục hồi sau rủi ro theo từng năm, cũng như vốn xã hội của chủ hộ, nhận thông tin khuyến nông của hộ và sử dụng vốn vay như một biện pháp ứng phó với rủi ro. Các biến này góp phần khắc họa bức tranh tổng quát về ảnh hưởng của các loại rủi ro phổ biến ở nông thôn và các đặc điểm mới của hộ gia đình nông thôn Việt Nam trong quá trình phát triển kinh tế.

2. Lý thuyết về ảnh hưởng của rủi ro đến tiền lương, tiền công

Nếu thu nhập là toàn bộ số tiền mà hộ nhận được trong một thời kỳ nhất định (Ellis, 2000), thì tiền lương, tiền công chỉ là khoản tiền mà người lao động nhận được từ hoạt động làm công ăn lương trong một thời gian nhất định (Tổng cục Thống kê, 2015). Những rủi ro như mất việc làm, thành viên trong hộ gia đình chết và gặp trục trặc hôn nhân tác động đáng kể đến thu nhập của hộ gia đình (Leekoi, 2014). Đặc biệt đối với người nghèo thiếu vốn, thiếu đất, trình độ giáo dục thấp, sức lao động là tài sản quý giá nhất và vì vậy họ quan tâm đặc biệt đến nguy cơ bệnh tật làm giảm khả năng lao động cũng như chi phí điều trị y tế tốn kém (Oxfam & Aid, 2009). Ngoài ra, Rodgers & Menon (2012) thấy rằng khả năng lao động giảm 1% và tiền lương giảm 6% do ảnh hưởng của nhiên liệu, tăng giá thực phẩm lên việc làm và thu nhập tiền lương hàng ngày ở Philippines. Tuy nhiên, giá lương thực tăng có thể làm tăng tiền lương, tương đương với sản phẩm doanh thu cận biên ở các thị trường cạnh tranh (Ferreira & cộng sự, 2011). Điều đó cho thấy rủi ro ảnh hưởng đến tổng thu nhập của hộ đã thu hút sự quan tâm của nhiều học giả, trong khi đó nghiên cứu về ảnh hưởng của các loại rủi ro, mức độ nghiêm trọng của từng loại đến tiền công, tiền lương – một nguồn thu nhập đang trở nên quan trọng ở nông thôn các nước đang phát triển như Việt Nam còn rất hạn chế và đây cũng là khoảng trống trong nghiên cứu cần được lấp đầy.

Bài báo này sử dụng khung phân tích sinh kế bền vững của Scooner (1998), trong đó bổ sung ảnh hưởng của rủi ro đến tiền công, tiền lương. Sinh kế được định nghĩa là khả năng, tài sản và hoạt động của một phương tiện sinh sống (Ashley & Carney, 1999). Khung sinh kế rút gọn trong bài này bao gồm

Hình 1: Khung lý thuyết ảnh hưởng của rủi ro đến thu nhập từ tiền lương, tiền công



Nguồn: Nhóm tác giả điều chỉnh từ mô hình của Scooner (1998).

hai thành phần được kết nối chặt chẽ: nền tảng sinh kế và chiến lược sinh kế trong điều kiện đặc điểm hộ gia đình (Hình 1). Điểm mới của khung lý thuyết này là nghiên cứu bổ sung ảnh hưởng của các loại rủi ro đến thu nhập từ tiền công, tiền lương của hộ.

3. Dữ liệu và mô hình nghiên cứu

3.1. Dữ liệu

Bài báo khai thác bộ dữ liệu Điều tra Tiếp cận Nguồn lực Hộ gia đình (VARHS) giai đoạn 2008-2016 do Viện Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM) chủ trì thực hiện. Sau khi xử lý dữ liệu theo trình tự cần trọng, loại bỏ quan sát dị biệt, và quan sát không có dữ liệu, bộ dữ liệu có 6.159 quan sát của 1.872 hộ, tập trung ở các tỉnh thành như Hà Tây (23,19%), Phú Thọ (12,58%), Quảng Nam (13,41%) và Long An (13,78%) và tương đối rải đều ở các tỉnh còn lại. Trong đó hộ bị rủi ro sâu, dịch bệnh chiếm tỷ lệ cao nhất, kế đến là rủi ro tự nhiên, rủi ro cá nhân và hộ bị rủi ro kinh tế chiếm tỷ lệ thấp nhất.

3.2. Mô hình nghiên cứu

Kế thừa các nghiên cứu trước (Ferreira & cộng sự, 2011; Rodgers & Menon, 2012; Leekoi, 2014; Scooner, 1998), bài báo phân tích ảnh hưởng của các rủi ro đến tiền lương, tiền công của hộ dựa trên mô hình hiệu ứng cố định có dạng: $\ln(Y_{it}) = C_i + \beta * X_{it} + \beta * X_{it} D_{it} + u_{it}$. Trong đó, Y_{it} thu nhập từ tiền lương, tiền công của hộ thứ i vào năm t , C_i cho thấy hiệu ứng cố định theo hộ, β cho thấy mối quan hệ giữa các loại rủi ro và đặc điểm của hộ đến tiền lương, tiền công của hộ. Bảng 1 hệ thống các biến được đề cập trong mô hình.

4. Kết quả nghiên cứu

Kết quả kiểm định cho thấy không có hiện tượng đa cộng tuyến hoàn hảo và đã kiểm soát được hiện tượng phương sai thay đổi trong các mô hình. Bảng 2 thể hiện ảnh hưởng của các loại rủi ro đến tiền lương, tiền công của hộ gia đình nông thôn Việt Nam. Kết quả hồi quy từ 5 mô hình khá tương đồng nhau về dấu và giá trị hệ số của các biến trong mô hình. Điều đó cho thấy kết quả ước lượng khá vững và ổn định.

4.1. Ảnh hưởng của rủi ro, mức độ nghiêm trọng và khả năng phục hồi của hộ đến thu nhập tiền lương, tiền công

Bảng 2 cho thấy các biến rủi ro tự nhiên, sâu, dịch bệnh đều không có ý nghĩa thống kê. Nguyên nhân là do các hộ bị các loại rủi ro này có tiền lương, tiền công tương đối thấp so với các hộ bị các loại rủi ro khác. Tuy nhiên, rủi ro kinh tế và cá nhân lại tác động ngược chiều đến tiền lương, tiền công của hộ. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Kenjiro (2005). Rủi ro kinh tế và cá nhân ảnh hưởng khả năng cung ứng lao động và từ đó ảnh hưởng tiêu cực đến tiền lương, tiền công.

Ngoài ra, các hộ bị rủi ro kinh tế, cá nhân có tiền lương, tiền công, tiết kiệm thấp hơn những hộ không bị rủi ro, và quy mô hộ, tỷ lệ trẻ em trong hộ lớn hơn so với các hộ khác. Tuy nhiên, khi hộ bị rủi ro cá nhân và phục hồi ngay trong năm đó, tiền lương, tiền công sẽ cao hơn 29,7% với mức ý nghĩa 5%. Những hộ này có đặc trưng đa phần chủ hộ là nam (chiếm 71,09%), học vấn của chủ hộ và các thành

Bảng 1: Khai báo các biến trong mô hình

Biến số	Đo lường	Kể thừa nghiên cứu trước
Tiền lương, tiền công	Thu nhập từ các hoạt động làm công, làm thuê, bình quân một năm của hộ, dạng $\ln(x)$.	Anttila-Hughes & Hsiang (2013), Hill & Mejia-Mantilla (2017)
Rủi ro tự nhiên	Biến giả nhận giá trị 1 nếu hộ bị lũ lụt, hạn hán, bão và các thiên tai khác; và ngược lại là 0.	Anttila-Hughes & Hsiang (2013), Mandal & Bezbaruah (2013), Hill & Mejia-Mantilla (2017)
Rủi ro do sâu, dịch bệnh	Biến giả nhận giá trị 1 nếu hộ bị sâu bệnh, dịch bệnh đối với vật nuôi và cây trồng, cúm gia cầm; và ngược lại là 0.	Hardaker & cộng sự (2004), Kuchler & cộng sự (2012)
Rủi ro kinh tế	Biến giả nhận giá trị 1 nếu hộ bị biến động giá đầu vào và đầu ra của sản phẩm trên thị trường, thiếu hoặc biến động giá cả thị trường đối với lương thực hoặc các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu, thất nghiệp, đầu tư không hiệu quả, mất đất; và ngược lại là 0.	Hill & Mejia-Mantilla (2017)
Rủi ro cá nhân	Biến giả nhận giá trị 1 nếu hộ bị ly hôn bất hòa, xung đột trong gia đình hoặc với các gia đình khác, thành viên trong hộ ốm nặng, bị thương, qua đời; mất trộm và bị cướp; và ngược lại là 0.	Kuchler & cộng sự (2012), Mandal & Bezbaruah (2013), Hill & Mejia-Mantilla (2017)
Thiệt hại của các loại rủi ro theo từng năm	Thiệt hại của từng loại rủi ro theo từng năm, dạng $\ln(x)$.	Grothmann & Patt (2005), Shaffer (2008)
Khả năng phục hồi	Biến giả nhận giá trị 1 nếu hộ đã phục hồi được hoàn toàn, hoặc một phần và 0 nếu hộ hầu như chưa phục hồi, được xác định lần lượt theo từng năm và từng loại rủi ro.	Lokshin & Ravallion (2000), Jalan & Ravallion (2004)
Giới tính	Biến giả nhận giá trị 1 nếu chủ hộ là nam; và 0 nếu là nữ.	Anttila-Hughes & Hsiang (2013), Mitra & cộng sự (2016), Hill & Mejia-Mantilla (2017)
Tuổi	Bảng năm điều tra trừ đi năm sinh của chủ hộ.	Mandal & Bezbaruah (2013), Mitra & cộng sự (2016), Hill & Mejia-Mantilla (2017)
Dân tộc	Biến giả, nhận giá trị 1 nếu chủ hộ là người Kinh và 0 nếu chủ hộ không là người Kinh.	Mitra & cộng sự (2016)
Giáo dục	Số năm đi học của chủ hộ, thành viên và trẻ em trong hộ.	Anttila-Hughes & Hsiang (2013), Mitra & cộng sự (2016), Hill & Mejia-Mantilla (2017)
Quy mô hộ	Tổng số người trong hộ gia đình.	Anttila-Hughes & Hsiang (2013), Mandal & Bezbaruah (2013), Mitra & cộng sự (2016)
Đất	Tổng diện tích đất sở hữu của hộ (hecta).	Mandal & Bezbaruah (2013)
Số ngày không đi làm	Số ngày ốm không đi làm của chủ hộ trong một năm.	Mitra & cộng sự (2016)
Tham gia các tổ chức, hiệp hội	Biến giả, nhận giá trị 1 nếu là chủ hộ tham gia thường xuyên hoặc thỉnh thoảng, và 0 nếu chủ hộ không tham gia.	Grootaert & Van Bastelaer (2002), Yusuf (2008), Johannes (2011), Sun & cộng sự (2014)
Tài sản	Tổng giá trị tài sản lâu bền của hộ tại thời điểm hiện tại, dạng $\ln(x)$	Grothmann & Patt (2005), Rashid & cộng sự (2006)
Mức độ tập	Nghịch đảo của tổng của bình phương tỷ trọng các	Ellis (2000), Ersado

Bảng 1 (tiếp)

Biến số	Đo lường	Kế thừa nghiên cứu trước
trung của thu nhập	nguồn thu nhập.	(2006), Hill & Mejia-Mantilla (2017)
Tham gia bảo hiểm	Biến giả nhận giá trị 1 nếu chủ hộ có tham gia bảo hiểm liên quan đến sức khỏe (bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm y tế miễn phí cho người nghèo, bảo hiểm y tế miễn phí cho trẻ em), và 0 nếu chủ hộ không tham gia.	Morduch (1990)
Tiết kiệm	Giá trị hiện tại của khoản tiết kiệm, dạng $\ln(x)$.	Deaton (1992); Diagne & cộng sự (2000)
Khoản nợ	Giá trị hiện tại của tiền vay gốc gia đình còn nợ, dạng $\ln(x)$.	Diagne & cộng sự (2000)
Vay vào năm bị rủi ro	Biến giả nhận giá trị 1 nếu hộ có vay vào năm bị rủi ro; và 0 nếu hộ không vay vào năm bị rủi ro.	Diagne & cộng sự (2000)
Đặc điểm của hộ bị rủi ro tự nhiên	Biến tương tác lần lượt giữa hộ bị rủi ro tự nhiên với các đặc điểm của hộ như: tham gia các tổ chức, hiệp hội; khuyến nông về thủy lợi; khuyến nông về tiếp cận tín dụng; mức độ tập trung của thu nhập; vay vào năm bị rủi ro; giá trị nợ; tiết kiệm.	Nghiên cứu sử dụng thêm các biến này nhằm chỉ rõ sự khác biệt của ảnh hưởng của các loại rủi ro theo đặc điểm của hộ
Đặc điểm của hộ bị rủi ro sâu, dịch bệnh	Biến tương tác lần lượt giữa hộ bị rủi ro sâu, dịch bệnh với các đặc điểm của hộ như: tham gia các tổ chức, hiệp hội; khuyến nông về sâu, dịch bệnh ở cây trồng; mức độ tập trung của thu nhập; giá trị nợ; tiết kiệm; vay vào năm bị rủi ro.	
Đặc điểm của hộ bị rủi ro kinh tế	Biến tương tác lần lượt giữa hộ bị rủi ro kinh tế với các đặc điểm của hộ như: khuyến nông về thị trường; khuyến nông về tiếp cận tín dụng; vay vào năm bị rủi ro; mức độ tập trung của thu nhập; tiết kiệm.	
Đặc điểm của hộ bị rủi ro cá nhân	Biến tương tác lần lượt giữa hộ bị rủi ro cá nhân với các đặc điểm của hộ như: tham gia các tổ chức, hiệp hội; mức độ tập trung của thu nhập; vay vào năm bị rủi ro; giá trị nợ; số năm đi học của trẻ em trong hộ. Và tương tác giữa thiệt hại do rủi ro cá nhân gây ra vào năm hiện hành hoặc năm ngoài với hộ có vay vào năm bị rủi ro; hộ bị rủi ro cá nhân với tham gia bảo hiểm sức khỏe.	

viên trong hộ cao, có đa dạng hóa thu nhập, và tỷ lệ trẻ trong hộ thấp; 72,14% hộ bị rủi ro có sở hữu một loại bảo hiểm nhất định, chủ hộ có số ngày không đi làm trong năm cao gấp đôi các hộ còn lại, đất sở hữu ít hơn và thiệt hại vào năm hiện hành do rủi ro cá nhân mang lại khá cao nên việc phục hồi sau rủi ro này ảnh hưởng tích cực đến tiền lương, tiền công. Bên cạnh đó, để làm rõ hơn mức độ ảnh hưởng của các rủi ro theo đặc điểm của hộ đến tiền lương, tiền công, nghiên cứu sử dụng mô hình các biến tương tác được đề cập trong Bảng 3.

4.2. Mức độ ảnh hưởng của từng loại rủi ro theo một số đặc trưng của hộ

Rủi ro tự nhiên

Kết quả hồi quy cho thấy các hộ bị rủi ro tự nhiên

nhưng có chỉ số đa dạng hóa thu nhập tăng một đơn vị sẽ góp phần làm thu nhập tiền lương, tiền công giảm đi 11,6%. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Barrett & Reardon (2000) và Ngân hàng Thế giới (2017), theo đó các hộ đa dạng hóa sang công việc được trả lương hay phát triển kinh tế hộ gia đình, góp phần làm đa dạng hóa tác động tích cực, ngược lại nếu hộ đa dạng hóa vào các hoạt động khai thác tài nguyên chung (đặc biệt các hộ người dân tộc), đa dạng hóa sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến thu nhập của hộ. Ngoài ra, những hộ bị rủi ro tự nhiên có tỷ lệ trẻ em cao, học vấn của chủ hộ và thành viên trong hộ thấp, số ngày không đi làm của chủ hộ cao hơn, nhưng phục hồi ngay sau rủi ro là những hộ có chủ hộ có số ngày không đi làm thấp, do đó hộ có đa dạng hóa vẫn không cải thiện được tiền lương, tiền

Bảng 2: Ảnh hưởng của các loại rủi ro đến thu nhập từ tiền lương, tiền công của hộ gia đình nông thôn Việt Nam

Biến phụ thuộc: thu nhập tiền lương, tiền công	Model đầy đủ (11)	nat1 (12)	nat2 (13)	eco (14)	private (15)
Rủi ro tự nhiên	-0,079 (0,069)	-0,093 (0,069)			
Rủi ro sâu, dịch bệnh	-0,015 (0,091)		-0,043 (0,091)		
Rủi ro kinh tế	-0,161** (0,073)			-0,174** (0,073)	
Rủi ro cá nhân	-0,163* (0,091)				-0,168* (0,092)
Thiệt hại do rủi ro tự nhiên vào năm hiện hành	0,002 (0,018)	0,004 (0,018)			
Thiệt hại do rủi ro tự nhiên vào năm ngoài	0,015 (0,013)	0,016 (0,013)			
Thiệt hại do rủi ro sâu, dịch bệnh vào năm hiện hành	0,005 (0,016)		0,005 (0,016)		
Thiệt hại do rủi ro sâu, dịch bệnh vào năm ngoài	0,005 (0,014)		0,009 (0,014)		
Thiệt hại do rủi ro kinh tế vào năm hiện hành	-0,007 (0,019)			-0,004 (0,019)	
Thiệt hại do rủi ro kinh tế vào năm ngoài	-0,007 (0,015)			-0,005 (0,015)	
Thiệt hại do rủi ro cá nhân gây ra vào năm hiện hành	-0,010 (0,014)				-0,009 (0,014)
Thiệt hại do rủi ro cá nhân vào năm ngoài	0,013 (0,015)				0,012 (0,015)
Phục hồi ngay năm xảy ra rủi ro tự nhiên	-0,009 (0,127)	-0,007 (0,125)			
Phục hồi sau một năm xảy ra rủi ro tự nhiên	-0,066 (0,104)	-0,065 (0,102)			
Phục hồi ngay năm xảy ra rủi ro sâu, dịch bệnh	0,068 (0,114)		0,086 (0,113)		
Phục hồi sau một năm xảy ra rủi ro sâu, dịch bệnh	-0,069 (0,091)		-0,083 (0,088)		
Phục hồi ngay năm xảy ra rủi ro kinh tế	0,137 (0,153)			0,123 (0,151)	
Phục hồi sau một năm xảy ra rủi ro kinh tế	0,113 (0,115)			0,109 (0,115)	
Phục hồi ngay năm xảy ra rủi ro cá nhân	0,299** (0,122)				0,297** (0,123)
Phục hồi sau một năm xảy ra rủi ro cá nhân	0,065 (0,141)				0,075 (0,139)
Nhóm biến đặc điểm của hộ	Có	Có	Có	Có	Có
Hiệu ứng cố định cấp tỉnh	Có	Có	Có	Có	Có
Tung độ gốc	8,513*** (0,195)	8,504*** (0,196)	8,481*** (0,196)	8,502*** (0,197)	8,493*** (0,196)
Số quan sát	6.159	6.159	6.159	6.159	6.159
Số hộ	1.872	1.872	1.872	1.872	1.872
R-squared	0,140	0,135	0,136	0,136	0,136
Log Lik	-5718	-5734	-5734	-5733	-5732

Nguồn: Kết quả trích xuất từ VARHS 2008-2016 (n = 6.159).

*Ghi chú: Sai số chuẩn trong ngoặc đơn. Mức ý nghĩa ***, **, * lần lượt là 1%, 5% và 10%.*

Bảng 3: Ảnh hưởng của các loại rủi ro theo đặc điểm của nông hộ đến tiền lương, tiền công

Biến phụ thuộc: thu nhập tiền lương, tiền công	nat1 (21)	nat2 (22)	eco (23)	private (24)
Rủi ro tự nhiên x tham gia ở các tổ chức, hiệp hội	-0,043 (0,067)			
Rủi ro tự nhiên x khuyến nông về thủy lợi	0,040 (0,110)			
Rủi ro tự nhiên x tiếp cận tín dụng	0,142 (0,108)			
Rủi ro tự nhiên x đa dạng hóa thu nhập	-0,116*** (0,038)			
Rủi ro tự nhiên x vay tiền vào năm xảy ra rủi ro	-0,009 (0,080)			
Rủi ro tự nhiên x nợ vay	-0,007 (0,007)			
Rủi ro tự nhiên x tiết kiệm	0,014* (0,008)			
Rủi ro sâu, dịch bệnh x tham gia ở các tổ chức, hiệp hội		-0,020 (0,064)		
Rủi ro sâu, dịch bệnh x khuyến nông về sâu, dịch bệnh		-0,081 (0,093)		
Rủi ro sâu, dịch bệnh x đa dạng hóa thu nhập		0,044 (0,041)		
Rủi ro sâu, dịch bệnh x nợ vay		-0,013** (0,006)		
Rủi ro sâu, dịch bệnh x tiết kiệm		0,007 (0,008)		
Thiệt hại do rủi ro sâu, dịch bệnh vào năm hiện hành x vay tiền vào năm xảy ra rủi ro		-0,035** (0,016)		
Rủi ro kinh tế x khuyến nông thị trường			0,145 (0,249)	
Rủi ro kinh tế x khuyến nông về tiếp cận tín dụng			0,029 (0,240)	
Rủi ro kinh tế x vay tiền vào năm xảy ra rủi ro			-0,036 (0,122)	
Rủi ro kinh tế x đa dạng hóa thu nhập			-0,103** (0,047)	
Rủi ro kinh tế x tiết kiệm			-0,006 (0,012)	
Rủi ro cá nhân x tham gia ở các tổ chức, hiệp hội				0,032 (0,074)
Rủi ro cá nhân x đa dạng hóa thu nhập				-0,129*** (0,044)
Rủi ro cá nhân x vay tiền vào năm xảy ra rủi ro				0,167 (0,110)
Rủi ro cá nhân x nợ vay				-0,011 (0,008)
Rủi ro cá nhân x số năm đi học của trẻ em				-0,051 (0,054)
Thiệt hại do rủi ro cá nhân vào năm hiện hành x vay tiền vào năm xảy ra rủi ro				-0,051*** (0,020)
Thiệt hại do rủi ro cá nhân vào năm ngoài x vay tiền vào năm xảy ra rủi ro				-0,044 (0,135)
Rủi ro cá nhân x bảo hiểm sức khỏe				0,257* (0,137)
Nhóm biến đặc điểm của hộ	Có	Có	Có	Có
Tung độ gốc	7,917*** (0,186)	7,790*** (0,189)	7,841*** (0,185)	7,931*** (0,188)
Số quan sát	6.159	6.159	6.159	6.159
Số hộ	1.872	1.872	1.872	1.872
R-squared	0,106	0,105	0,102	0,108
Log Lik	-5839	-5842	-5850	-5830

Nguồn: Kết quả trích xuất từ VARHS 2008-2016 (n = 6.159)

Mức ý nghĩa ***, **, * lần lượt là 1%, 5% và 10%.

Rủi ro sâu, dịch bệnh

công. Đối với các hộ bị rủi ro tự nhiên, khi giá trị tiết kiệm tăng thêm 1% thì tiền lương, tiền công tăng thêm 1,42%. Điều đó cho thấy tiết kiệm đóng vai trò như một bộ đệm quan trọng trong thời gian hộ gặp phải các rủi ro tài chính, đặc biệt do tự nhiên gây ra (Newman & Kinghan, 2015).

Bảng 3 chỉ ra rằng khi khoản nợ của các hộ bị rủi ro sâu, dịch bệnh hoặc bị thiệt hại vào năm bị rủi ro cao, tiền lương, tiền công sẽ giảm. Bùng phát dịch bệnh cây trồng ảnh hưởng nghiêm trọng đến thu nhập và phúc lợi của hộ và nguồn thu nhập chính từ tiền công, tiền lương – hoạt động mang lại thu nhập cho hộ trong xu hướng phát triển nông nghiệp hiện đại.

Rủi ro kinh tế

Để đánh giá ảnh hưởng của rủi ro kinh tế đến tiền công, tiền lương của hộ theo các đặc điểm của hộ, tác giả sử dụng mô hình $eco(23)$ của Bảng 3. Kết quả cho thấy khi hộ bị rủi ro kinh tế và có đa dạng hóa thu nhập thì thu nhập từ nguồn này sẽ giảm 10,3%. Thực trạng “mất mùa được giá” hay “được giá mất mùa” luôn tồn tại và diễn biến phức tạp trên thị trường nông nghiệp Việt Nam. Việt Nam là một nước có giá trị xuất khẩu nông sản cao nhưng thu nhập của nông dân vẫn bấp bênh, do nguyên nhân cơ bản là giá nông sản thấp và thường xuyên biến động (Trần Hải, 2018). Sự gia tăng các loại hình doanh nghiệp hộ gia đình ở nông thôn góp phần gia tăng việc làm công ăn lương của nông dân và sự đa dạng hóa các hoạt động tạo thu nhập, nhưng dưới áp lực biến động giá đầu vào và đầu ra nông sản thường xuyên đã góp phần ảnh hưởng tiêu cực đến nguồn thu nhập này của hộ. Một lý do nữa cho tình trạng trên là do các hộ bị rủi ro có tỷ lệ trẻ em trong hộ cao, giá trị tiết kiệm và khoản vay thấp và chỉ có 22,32% hộ vay được vào năm bị rủi ro nên hộ có đa dạng hóa cũng không cải thiện được tiền công, tiền lương.

Rủi ro cá nhân

Tương đồng với kết quả ảnh hưởng của rủi ro kinh tế đến tiền lương, tiền công, các hộ bị rủi ro cá nhân và có đa dạng hóa thu nhập thì tiền công, tiền lương của hộ sẽ giảm đi 12,9%. Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới (2016), tăng trưởng nông nghiệp và cải thiện môi trường sức khỏe, dinh dưỡng của nông dân có mối quan hệ tương tác nhau. Phương thức sản xuất nông nghiệp kém bền vững gây ảnh hưởng đến môi trường sinh thái sẽ làm gia tăng xác suất và mức độ bệnh tật của người dân. Trong khi đó, vai trò

của thu nhập từ các hoạt động phi nông nghiệp ngày càng gia tăng và các nông hộ có xu hướng đa dạng hóa thu nhập sang các hoạt động phi nông nghiệp – sử dụng sức lao động chủ yếu. Tuy nhiên, theo Ellis (2000), khi hành vi đa dạng hóa thu nhập của hộ là sự ứng phó với các rủi ro thì được coi là đa dạng hóa để ứng phó hay bắt buộc, điều mà có thể không nhất thiết góp phần cải thiện thu nhập của hộ. Dạng này có thể đáp ứng yêu cầu bức thiết trước mắt của hộ, nhưng có thể làm trầm trọng thêm trạng thái đói nghèo của hộ về lâu dài do nguồn lực sử dụng kém hiệu quả (Ellis, 2000). Điều này cho thấy đa dạng hóa thu nhập cùng với việc hộ bị rủi ro cá nhân sẽ góp phần ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiền lương, tiền công.

Bên cạnh đó, những hộ có bảo hiểm nhưng khi thiệt hại tại năm hiện hành do rủi ro cá nhân tăng, tiền công, tiền lương vẫn giảm. Tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc đối với phần lớn các cá nhân làm thuê trong các xí nghiệp, cơ quan; trong khi đó bảo hiểm y tế tự nguyện là hình thức tương trợ cộng đồng, nên rất hạn chế ở nông thôn, đặc biệt ở những hộ có người thân đang tham gia lao động ngoài địa phương. Theo Ngân hàng Thế giới (2008), đối tượng tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện chủ yếu là người già, người đã từng phải tự chi trả viện phí khi gặp thương tật nặng, người có nhu cầu sử dụng và nắm được thông tin về dịch vụ y tế. Những người trẻ tuổi, mạnh khỏe, thiếu thông tin và hiểu biết về bảo hiểm y tế tự nguyện (là đối tượng chiếm đa số dân cư) lại thường không tham gia. Do đó khi có rủi ro về sức khỏe, thu nhập của hộ sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng vì những đối tượng này cũng là lực lượng lao động chính của gia đình.

5. Kết luận và khuyến nghị

5.1. Kết luận

Rủi ro kinh tế và cá nhân ảnh hưởng tiêu cực đến tiền lương, tiền công của hộ. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy các hộ bị rủi ro tự nhiên hay kinh tế, cá nhân có đa dạng hóa thu nhập, hộ bị sâu, dịch bệnh có giá trị khoản vay tích lũy cao hoặc có vay trong năm bị rủi ro, và hộ có tham gia bảo hiểm nhưng thiệt hại do rủi ro cá nhân lớn sẽ làm tiền lương, tiền công giảm đi đáng kể. Ngược lại, khả năng phục hồi sau rủi ro cá nhân, hộ bị rủi ro tự nhiên và có giá trị tiết kiệm tích lũy cao hay hộ bị rủi ro cá nhân mà có tham gia bảo hiểm sẽ tác động tích cực đáng kể đến tiền lương, tiền công của hộ.

Từ các mô hình đánh giá mức độ tác động của

các loại rủi ro đến thu nhập tiền lương, tiền công của nông hộ Việt Nam cho thấy tiết kiệm và bảo hiểm sức khỏe là hai bộ đệm quan trọng giúp hộ khắc phục thiệt hại từ các loại rủi ro và góp phần tăng tiền lương, tiền công cho nông hộ. Tuy nhiên, với thiệt hại lớn từ rủi ro cá nhân thì đa dạng hóa hay bảo hiểm sức khỏe sẽ khó trở thành kênh hỗ trợ hộ ứng phó tối ưu với rủi ro.

5.2. Khuyến nghị giải pháp

Để giảm thiểu các ảnh hưởng tiêu cực của các rủi ro đối với tiền lương, tiền công của nông hộ Việt Nam, cần có những thay đổi:

Thứ nhất, bảo hiểm sức khỏe, cần chú trọng: (1) đổi mới cơ chế tài chính. Thực hiện lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ y tế theo Nghị định số 85/2012/NĐ-CP của Chính phủ (2012) theo hướng tính đúng, đủ ban hành giá dịch vụ y tế thống nhất theo hạng bệnh viện, bảo vệ quyền lợi người tham gia các loại bảo hiểm liên quan đến sức khỏe, hạn chế tình trạng người bệnh phải nộp thêm tiền khám chữa bệnh khi có bảo hiểm y tế; (2) tăng cường hỗ trợ kinh phí để người dân tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.

Thứ hai, khuyến khích tiết kiệm trong dân, xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình phổ

biến kiến thức cơ bản về tài chính, ngân hàng. Việc nâng cao nhận thức về tài chính cá nhân sẽ là động lực thúc đẩy phát triển các sản phẩm dịch vụ tài chính trên thị trường như tiết kiệm, tiêu dùng, bảo hiểm, các sản phẩm đầu tư tài chính. Khuyến khích sự tham gia của các tổ chức chính trị – xã hội vào quá trình nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng ở nông thôn.

Thứ ba, đa dạng hóa thu nhập, đa dạng hóa thu nhập đã phát huy vai trò trong quản lý rủi ro và đảm bảo đời sống cho các hộ gia đình. Do đó, chính quyền địa phương cần xây dựng chính sách khuyến khích và kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư nhà máy chế biến, sản xuất, khuyến khích phát triển ngành nghề phi nông nghiệp ở nông thôn. Đối với cá nhân hộ gia đình cần chủ động nắm bắt cơ hội theo cơ chế chính sách, nhà nước, các chương trình, dự án hỗ trợ, tranh thủ thời gian nông nhàn để tìm kiếm việc làm phi nông nghiệp nhằm làm tăng thu nhập cho hộ gia đình. Bên cạnh đó, hộ cần tích cực tham gia các buổi tập huấn, đào tạo kỹ năng, tiếp cận thị trường theo các chương trình dự án của nhà nước và các tổ chức phi chính phủ. Đồng thời, hộ cần chủ động nâng cao trình độ văn hóa và tham gia họp tích cực ở các tổ chức hiệp hội.

Tài liệu tham khảo:

- Anttila-Hughes, J. & Hsiang, S. (2013), 'Destruction, disinvestment, and death: Economic and human losses following environmental disaster', *SSRN Electronic Journal*, retrieved on April 15th 2019, from <<http://dx.doi.org/10.2139/ssrn.2220501>>.
- Ashley, C. & Carney, D. (1999), *Sustainable livelihoods: Lessons from early experience*, Department for International Development, London.
- Barrett, C.B. & Reardon, T. (2000), *Asset, activity, and income diversification among African agriculturalists: Some practical issues*, Cornell University and Michigan State University, USA.
- Chính phủ (2012), *Nghị định số 85/2012/NĐ-CP của về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập*, ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2012.
- Deaton, A. (1992), 'Household saving in LDCs: Credit markets, insurance and welfare', *The Scandinavian Journal of Economics*, 94(2), 253-273.
- Dercon, S. (2002), 'Income risk, coping strategies, and safety nets', *The World Bank Research Observer*, 17(2), 141-166.
- Diagne, A., Zeller, M. & Sharma, M. (2000), *Empirical measurements of households' access to credit and credit constraints in developing countries: Methodological issues and evidence*, Washington, DC: International Food Policy Research Institute.
- Ellis, F. (2000), *Rural livelihoods and diversity in developing countries*, Oxford university press, UK.
- Ersado, L. (2006), *Income diversification in Zimbabwe: Welfare implications from urban and rural areas*, The World Bank.
- Ferreira, F.H., Fruttero, A., Leite, P. & Lucchetti, L. (2011), *Rising food prices and household welfare: evidence from Brazil in 2008*, The World Bank.
- Grothmann, T. & Patt, A. (2005), 'Adaptive capacity and human cognition: the process of individual adaptation to climate change', *Global Environmental Change*, 15(3), 199-213.
- Hardaker, J., Huirne, R., Anderson, J. & Lien, G. (2004), *Coping With risk in Agriculture*, Cambridge: CABI.
- Hill, R. & Mejia-Mantilla, C. (2017), *With a little help: shocks, agricultural income, and welfare in Uganda*, The World Bank.

- Jalan, J. & Ravallion, M. (2004), 'Household income dynamics in rural China', *Insurance against poverty*, 108-124.
- Johannes, T.A. (2011), 'Social capital and household welfare in Cameroon: A multidimensional analysis', *AERC Research Paper 238*, African Economic Research Consortium.
- Kenjiro, Y. (2005), 'Why illness causes more serious economic damage than crop failure in rural Cambodia', *Development and Change*, 36(4), 759-783.
- Kinghan, C. & Newman, C. (2017), 'The rural non-farm economy', in *Growth, Structural Transformation, and Rural Change in Viet Nam: A Rising Dragon on the Move*, Tarp, F. (Ed.), Oxford University Press, 91-116.
- Kuchler, A., Lønborg, J.H. & Nielsen, Ø.J. (2012), 'Shocks and risk-coping strategies among poor rural households in Mozambique', *Working Paper*, University of Southern Denmark.
- Leekoi, P.I., Jalil, A.Z.A. & Harun, M. (2014), 'Relationship between type of risks and income of the rural households in the Pattani province of Thailand', *Asian Social Science*, 10(17), 204-209.
- Lokshin, M. & Ravallion, M. (2000), *Short-lived Shocks with Long-lived Impacts?: household income dynamics in a transition economy*, World Bank Publications.
- Mandal, R. & Bezbaruah, M.P. (2013), 'Diversification of cropping pattern: Its determinants and role in flood affected agriculture of Assam Plains', *Indian Journal of Agricultural Economics*, 68(2), 170-181.
- Mitra, S., Palmer, M., Mont, D. & Groce, N. (2016), 'Can households cope with health shocks in Vietnam?', *Health economics*, 25(7), 888-907.
- Morduch, J. (1990), *Risk, production and saving: Theory and evidence from Indian households*, Harvard University.
- Newman, C. & Kinghan, C. (2015), 'Economic transformation and the diversification of livelihoods in rural Viet Nam', *Working Paper No. 2015/064*, WIDER.
- Ngân hàng Thế giới (2016), *Báo cáo phát triển Việt Nam 2016: Chuyển đổi nông nghiệp Việt Nam: tăng giá trị, giảm đầu vào*, Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội.
- Ngân hàng Thế giới (2017), *Báo cáo của Ngân hàng Thế giới. Tăng trưởng, chuyển đổi cơ cấu và thay đổi của nông thôn Việt Nam*, Nhà xuất bản Đại học Oxford, Vương quốc Anh.
- Ngân hàng Thế giới (2008), *Báo cáo phát triển Việt Nam 2008: Bảo trợ xã hội*, Hội nghị nhóm tư vấn cho các nhà tài trợ Việt Nam, Hà Nội
- Oxfam & Aid (2009), *Đánh giá nghèo đô thị với sự tham gia của người dân tại Việt Nam: Báo cáo tổng hợp*, truy cập lần cuối ngày 15 tháng 4 năm 2019, từ <<http://oxfamblogs.org/vietnam/wp-content/uploads/2009/03/Urban-poverty-reduction-report-summary-V.pdf>>.
- Rashid, D.A., Langworthy, M. & Aradhyula, S. (2006), 'Livelihood shocks and coping strategies: an empirical study of Bangladesh households', presentation at *the American Agricultural Economics Association Annual Meeting*, Long Beach, California, July 23-26.
- Reardon, T. (1997), 'Using evidence of household income diversification to inform study of the rural nonfarm labor market in Africa', *World development*, 25(5), 735-747.
- Scooner, I. (1998), 'Sustainable rural livelihoods: A framework for analysis', *IDS Working Paper 72*, IDS, Brighton.
- Shaffer, P. (2008), 'New thinking on poverty: implications for globalisation and poverty reduction strategies', *Working Papers 65*, Department of Economics and Social Affairs.
- Sun, L., Liu, J. & Chen, B. (2014), 'Analysis of social capital's effect on income of poor households: A case study in Sichuan province', *Asian Agricultural Research*, 6(12), 36.
- Tarp, F. (2016), *Tăng trưởng, chuyển đổi cơ cấu và thay đổi của nông thôn Việt Nam*, Nhà xuất bản Đại học Oxford, truy cập lần cuối ngày 15 tháng 4 năm 2019, từ <<https://www.wider.unu.edu/sites/default/files/Book-Growth-structural-transformation-and-rural-change-in-Vietn-Nam-Vietnamese.pdf>>.
- Tổng cục thống kê (2015), *Công bố Bộ dữ liệu điều tra mức sống dân cư 2014*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- Trần Hải (2018), 'Khi nào hết "giải cứu" nông sản?', *Báo Sài Gòn đầu tư*, truy cập lần cuối ngày 15 tháng 4 năm 2019, từ <<http://saigondautu.com.vn/thoi-luan/khi-nao-het-giai-cuu-nong-san-58754.html>>.
- van der Meulen Rodgers, Y. & Menon, N. (2012), 'Impact of the 2008-2009 twin economic crises on the Philippine labor market', *World Development*, 40(11), 2318-2328.
- Viện Quản lý Kinh tế Trung ương & cộng sự (2017), *Đặc điểm kinh tế nông thôn Việt Nam – Kết quả điều tra hộ gia đình nông thôn năm 2016 tại 12 tỉnh*, Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội.
- Yusuf, S.A. (2008), 'Social capital and household welfare in Kwara State, Nigeria', *Journal of Human Ecology*, 23(3), 219-229.